

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA TỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28 -11 - 2019

*“V/v: Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA TỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hưng
- Ông Hoàng Viết Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy Hiền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Tột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Tột, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Tột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2019 về việc *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 26/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Phương T - sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Số X, HV, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Anh Hoàng Xuân N - sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số Z, Y, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Phương T trình bày:**

Tôi và anh Hoàng Xuân N tự nguyện tìm hiểu nhau và chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2014. Quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung là cháu Hoàng Xuân P - sinh ngày 09/01/2016.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do lối sống vợ chồng không hòa hợp, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi

n nhau, đỉnh điểm là anh N đã đánh tôi hai lần. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2018 cho đến nay. Nay, tôi thấy không còn tình cảm với anh N nữa, mâu thuẫn không còn hàn gắn được, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh N.

Về con chung: Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Xuân P - sinh ngày 09/01/2016 đến lúc trưởng thành. Hiện tại tôi là giáo viên, thu nhập 5.000.000 đồng/tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu thành niên.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Hoàng Xuân N trình bày:***

Tôi và cô Võ Thị Phương T tự nguyện tìm hiểu nhau và chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2014. Quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung là cháu Hoàng Xuân P - sinh ngày 09/01/2016.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tôi khắc khẩu nên dẫn đến cãi vã thường xuyên. Trong lúc nóng giận tôi có tát vợ tôi hai lần. Tuy nhiên, tôi vẫn còn tình cảm với vợ và nguyện vọng của tôi là muốn được đoàn tụ gia đình.

* Tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Phương T giữ nguyên nội dung khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà được ly hôn với ông N và được nuôi dưỡng cháu P đến khi thành niên, bà trình bày chi phí nuôi con chung là cháu P hiện nay khoảng 4.500.000 đồng/tháng, bà yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi chung với mức 3.000.000 đồng/tháng, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hoàng Xuân N, có địa chỉ tại thành phố Buôn Ma Thuột, vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Hoàng Xuân N. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử

vụ án vắng mặt ông N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Phương T trình bày: Bà và ông Hoàng Xuân N tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện nay ông bà đã sống ly thân với nhau. Bà nhận thấy mâu thuẫn giữa bà và ông N không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

Bị đơn ông Hoàng Xuân N cho rằng vẫn còn tình cảm với vợ và nguyện vọng của ông là muốn được đoàn tụ gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu ly hôn với ông N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Bà T và ông N có 01 con chung là cháu Hoàng Xuân P - sinh ngày 09/01/2016. Hiện nay đang do bà T nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án bà T đã cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh mình có việc làm và T nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Hiện nay cháu Phúc còn nhỏ, để đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần và xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Hoàng Xuân P, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu P cho bà Võ Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Võ Thị Phương T yêu cầu ông Hoàng Xuân N cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng/tháng. Xét yêu cầu của cấp dưỡng nuôi con chung của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 107, Điều 110 nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của ông Hoàng Xuân N và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng là cháu P, Hội đồng xét xử cần buộc ông Hoàng Xuân N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2019 đến khi cháu Hoàng Xuân P thành niên.

Ông Hoàng Xuân N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Bà Võ Thị Phương T, Ông Hoàng Xuân N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị Phương T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Hoàng Xuân N phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: Khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Phương T

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Phương T được ly hôn với ông Hoàng Xuân N

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Xuân P - sinh ngày 09/01/2016 cho bà Võ Thị Phương T nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Ông Hoàng Xuân N có quyền và nghĩa vụ thăm non, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Hoàng Xuân N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Hoàng Xuân P với mức 2.000.000 đồng/tháng, từ tháng 12/2019 đến khi cháu P thành niên.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị Phương T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai T số AA/2019/0001503 ngày 20/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn ông Hoàng Xuân N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THADS TP BMT;
- UBND phường TA;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Dự